

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 308/2024/DS-PT
Ngày: 24-7-2024
Về việc tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Thanh Thúy

bà Đinh Thị Ngọc Yên

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 03 năm 2024 về việc “tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2023/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Ngô Thành Đ, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn S, sinh năm: 1954;

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955;

Ông S và bà P cùng địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đỗ Đức H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Thành Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1956;

3. Bà Hứa Thị N, sinh năm 1961;

Ông G và bà N cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Ông Trần Minh P1, sinh năm 1984;

5. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1985;

Ông P1 và bà L cùng địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Minh P1.

(Ông Đ, ông S, bà P, ông P1, ông H có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T do ông Ngô Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Bà Đặng Thị Ngọc T là chủ sử dụng thửa đất số 612, diện tích 2149,6m², tờ bản đồ số 19; đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này là do bà nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn G và bà Hứa Thị N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 649625 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Văn G ngày 02/5/2017 và điều chỉnh biến động cho bà T ngày 17/3/2022.

Do nhận chuyển nhượng trọn thửa đất 612 nên khi thực hiện thủ tục chuyển quyền không bắt buộc phải đo đạc lại thửa đất. Giáp ranh với thửa đất 612 của bà T là thửa 637, tờ bản đồ số 19 của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị P. Do có nhu cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà có trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc lại toàn bộ thửa đất 612. Quá trình đo đạc và kiểm tra thực tế bà T phát hiện ông Trần Văn S có hành vi lấn chiếm một phần thửa đất 612 của bà T, có diện tích 10,4m².

Nay bà Đặng Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị P tháo dỡ hàng rào kẽm B40 để trả lại bà T phần đất diện tích 10,4m², thuộc một phần thửa đất 612 (ký hiệu A theo Mảnh trích đo số 225-2023).

Bị đơn ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị P do ông Đỗ Đức H đại diện trình bày:

Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị P là chủ sử dụng thửa đất số 339, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.826m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ cấp ngày 27/6/1997. Năm 2017, nhà nước cấp đổi sổ mới thì thửa 339 tờ bản đồ 24 nay là thửa 637, tờ bản đồ số 19. Sau khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông S phát hiện hình thể thửa 637 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới không tiếp giáp đường giao thông nông thôn và diện tích theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mới thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ. Do đó, ông S không đồng ý nhận sổ mới và khiếu nại đối với việc cấp đổi sổ này.

Gia đình ông S làm nhà, xây dựng hàng rào và sử dụng ổn định thửa đất 637 từ trước cho đến nay. Giáp ranh với thửa đất 637 của ông S là thửa đất 612 của ông G, bà N. Khi ông G, bà N chuyển nhượng đất cho bà T, thì không gặp ông S để ký giáp ranh liền kề.

Trước khi nhà nước làm đường bê tông như hiện nay thì ranh giới giữa ông S, bà P và ông G rõ ràng, không tranh chấp, ranh giới giữa thửa đất 637 của ông S và thửa 612 của ông G là một bờ đất nằm phía ngoài cây điệp của gia đình ông. Hiện tại cây điệp vẫn còn, tuy nhiên bờ đất thì đã bị ông G phá bỏ để trồng cỏ.

Trước khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2023 thì ngăn cách giữa thửa đất 637 của ông S và thửa 612 của bà T là hàng rào lưới B40 của ông S. Sau khi tòa án tiến hành xem xét thẩm định thì gia đình ông S có làm thêm hàng rào bằng khung thép tại mặt trước nhưng nằm ngoài phần đất tranh chấp.

Nay, ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc T về việc ông S và bà P tháo dỡ hàng rào kẽm B40 để trả lại bà T phần đất diện tích 10,4m², ký hiệu A theo Mảnh trích đo số 225-2023, vì phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 637 của ông S, bà P.

Ông S, bà P xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 637 nên không tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với các tài sản gồm hàng rào tam bằng lưới B40; 01 trụ cột đèn bằng sắt, 01 cây phát tài và đất san lấp tại vị trí tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn G và bà Hứa Thị N thống nhất trình bày:

Trước đây, ông bà là chủ sử dụng thửa đất 612 tờ bản đồ 19, diện tích 2.149,6m² đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 649625 do Sở T cấp ngày 02/8/2017.

Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ của ông G cho và ông G được cấp giấy lần đầu năm 1997, đến năm 2017 thì ông G được cấp đổi lại giấy chứng nhận đối với thửa đất 612 nêu trên, cấp đổi toàn xã theo quy định, khi cấp đổi trọn thửa, chưa có làm đường, hiện trạng còn mốc giới rõ ràng, nên cán bộ tiến hành đo đạc thực tế và ký giáp ranh với ông Trần Văn S là chủ sử dụng đất thửa đất 637 giáp ranh với đất của ông bà theo quy định, phần đất của ông bà và ông S sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp với ai.

Năm 2020, khi Nhà nước làm đường đã thay đổi hiện trạng sử dụng đất giữa ông bà và ông S, phần tiếp giáp đường bê tông 5m thì giữa ông bà với ông S không còn ranh giới cụ thể.

Năm 2022, vợ chồng ông bà chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 612 cho bà Đặng Thị Ngọc T, khi chuyển nhượng cũng không có đo đạc thực tế, do chuyển nhượng trọn thửa đất nên chỉ chỉnh lý biến động trên trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 649625 do Sở T cấp ngày 02/8/2017 cấp cho ông G.

Hiện nay, được biết bà Đặng Thị Ngọc T tranh chấp ranh giới đất với ông Trần Văn S thì ông bà không có ý kiến gì, cũng không còn liên quan đến thửa đất 612 nữa và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

Ông Ngô Thành Đ trình bày: ông là chồng của bà T, ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T. Ông không có ý kiến hay yêu cầu bổ sung.

Ông Trần Minh P1 trình bày: ông là con ruột của ông S và bà P, ông ở cùng nhà với ông S, bà P. Ông thống nhất toàn bộ ý kiến của ông S và người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà P. Ông xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông, trên phần đất tranh chấp ba mẹ ông đã làm hàng rào B40 và khung thép, ba mẹ ông có trồng một số cây phát tài. Giữa thửa đất của gia đình ông và gia đình ông G đã có ranh giới ổn định, có làm hàng rào, trồng cây lâu năm làm ranh. Trong vụ án này, ông không tranh chấp hay yêu cầu đối với cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bà Trần Thị Mỹ L trình bày: bà là vợ của ông P1, ở cùng nhà với ông S, bà P. Bà không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T.

Buộc ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 có chiều cao 1,5m x dài 1,9m và 01 trụ cột đèn bằng sắt hộp cao 4,3m để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 10,4m² thuộc một phần thửa đất số 612, tờ bản đồ số 19; đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Đặng Thị Ngọc T.

(Phần đất tranh chấp diện tích 10,4m² được ký hiệu A theo Mảnh trích đo địa chính số 225-2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 12/4/2023).

2. Các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục điều chỉnh biến động hoặc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/11/2023, bị đơn, ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Minh P1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Đỗ Đức H trình bày: ông thống nhất vị trí 02 trụ cọc ranh do ông S, ông P1 và ông Đ xác định ngày 17/5/2024, nhưng không đồng ý kết quả đo đạc theo bản vẽ phân khu tại cấp phúc thẩm vì bản vẽ này không có phê duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ nên không có giá trị pháp lý và không đồng ý vị trí khu C1 trên bản vẽ phân khu là của bên bà T, vì phần này tại cấp sơ thẩm là thuộc của bên ông S bà P. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng thì thống nhất thỏa thuận là bị đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm; nguyên đơn chịu 10.900.000 đồng và bị đơn chịu 20.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Ông Ngô Thành Đ thống nhất kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Đ trình bày là khi Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu đo đạc, thì các chủ sử dụng đất ở các thửa còn lại giáp ranh thửa 637 không chứng kiến việc bên ông S, ông P1 chỉ ranh và ký giáp ranh, trong đó có thửa 610 là của chị của ông Đ là không chính xác ranh giới.

Ông Trần Minh P1 thống nhất kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm. Mặc dù khi đo đạc tại cấp sơ thẩm không có chị của ông Đ là chủ sử dụng thửa 610 chứng kiến, nhưng ranh giới giữa hai bên đã có bờ tre.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, ông Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Minh P1 đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1: tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác định khi đo đạc tại cấp sơ thẩm thì không có các chủ sử dụng đất liền kề ký giáp ranh, trong đó có chủ sử dụng đất thửa 610. Do đó, không thể căn cứ vào kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm để giải quyết vụ án, mà cần thiết phải xác định chính xác ranh giới các thửa đất liền kề với thửa 612 và 637 để giải quyết triệt để vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1 thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông S, ông P1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: bà Đặng Thị Ngọc T vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Thành Đ có mặt; ông Nguyễn Văn G, bà Hứa Thị N, bà Trần Thị Mỹ L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự này thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ vật kiến trúc trả lại đất lấn chiếm tại huyện Đ. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết quan hệ tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

[5] Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: các đương sự thừa nhận, khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017, cơ quan quản lý đất đai có thực hiện đo đạc diện tích đất thực tế hộ dân đang sử dụng và có ký biên bản xác định ranh giới đất liền kề (bút lục số 116, 119, 150, 153). Lối đi công cộng có chiều ngang hiện hữu khoảng 5m (đường đi tiếp giáp cạnh Nam của thửa 612 và cạnh Tây của thửa 637) là được mở rộng vào năm 2020 (các bút lục 133, 156). Theo trình bày thống nhất của các đương sự tại cấp phúc thẩm, lối đi được mở rộng khoảng từ 1m lên 5m vào năm 2020.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông S và ông P1, thấy rằng:

[6.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, cùng ngày 02/8/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 612 (diện tích là 2149,6m²) cho ông Nguyễn Văn G và thửa 637 (diện tích là 2500,6m²) cho ông Trần Văn S. Khi phát sinh tranh chấp, theo Mảnh trích đo địa chính số 225-2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 12/4/2023 (sau đây viết tắt là Trích đo số 225-2023), diện tích đo đạc thực tế của thửa 612 thiếu 98,5m² và thửa 637 thiếu 31,9m² so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6.2] Ngày 17/5/2024, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận được ranh giới của thửa 612 và 637 và đã cắm các cọc phân ranh trên thực tế, được thể hiện theo Bản vẽ phân khu ngày 01/7/2024 trên nền của Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 225-2023 do Công ty TNHH Đ1 thực hiện ngày 04/4/2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 12/4/2023, theo đó, thửa 612 gồm các khu: A1 diện tích 0,1m², A2 diện tích 2,7m², A4 diện tích 1,7m² (hiện trạng thực tế đang là đường đi công cộng), B1 diện tích 2044,2m², B3 diện tích 2m², C1 diện tích 8,9m². Riêng khu B2 diện tích 3,6m² các đương sự không có tranh chấp, hiện trạng thực tế đang là đường đi công cộng và đại diện nguyên đơn cũng đồng ý giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất tại khu A và khu B2 làm lối đi công cộng, không tính vào diện tích của thửa 612 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi điều chỉnh diện tích theo quyết định của Tòa án về việc công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, thửa 612 có tổng diện tích là 2057,9m², gồm các khu: A1, A2, B1, B3 và C1, trong đó khu A1 và A2 là phần đất các đương sự có tranh chấp tại cấp sơ thẩm; khu C1 (theo ranh bản đồ thuộc thửa 612) là phần đất các đương sự không

có tranh chấp tại cấp sơ thẩm, nhưng tại cấp phúc thẩm ông S đã cầm cọc ranh xác định là thửa 612 thuộc quyền sử dụng của bà T.

[6.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Đức H đại diện cho bị đơn lại thay đổi ý kiến, không đồng ý kết quả đo đạc thể hiện tại bản vẽ phân khu và cho rằng bản vẽ này không có giá trị pháp lý, vì không được sự phê duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ; đồng thời, không đồng ý vị trí khu C1 là thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn là ông Ngô Thành Đ trình bày rằng, diện tích của thửa 637 không chính xác, vì khi đo đạc tại cấp sơ thẩm thì chủ sử dụng các thửa 611, 610, 905 và 636 không chứng kiến ký giáp ranh. Ông Đ cũng thừa nhận rằng, giữa thửa 612 và 637 không có trụ, mốc ranh trên thực tế, mà ông căn cứ vào ranh bản đồ địa chính để tranh chấp yêu cầu ông S, bà T trả lại đất lấn chiếm. Hồ sơ vụ án thể hiện, đối chiếu hình thể của thửa 637 trên Trích đo số 225-2023 và trên hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận cho thấy có sự khác biệt; hơn nữa, nếu căn cứ vào ranh bản đồ để giải quyết vụ án, thì khu C1 là thửa 612, trong khi thửa 612 và thửa 637 có mục đích sử dụng đất khác nhau. Như vậy, kết quả đo đạc thể hiện theo Trích đo số 225-2023 đã không chính xác thì không thể được sử dụng để làm căn cứ giải quyết tranh chấp ranh giới đất trong vụ án này. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1 không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận. Hoàn trả cho ông P1 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không cần tuyên hoàn trả tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2023/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn S và ông Trần Minh P1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Minh P1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005344 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy – Đình Thị Ngọc Yến

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục